

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày 24/9/2021

V/V: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hoan

Bà Nguyễn Thị Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST- HĐVTS ngày 11/5/2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXX - DS ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T sinh 1974

Ông Hoàng Đình H sinh 1967

Đều địa chỉ: Thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2/ Bị đơn: Ông Đặng Văn T sinh 1972

Bà Nguyễn Thị N sinh 1977

Đều địa chỉ: Thôn Trại Giữa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

(Bà T, ông Hà, ông T, Chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/4/2021 nguyên đơn bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H trình bày tiếp trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Do mối quan hệ tình cảm anh, em ruột thịt với nhau. Vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Thành, bà Nga vay 02 lần tiền, cụ thể lần 1 vào tháng 02/2012 vợ chồng ông bà cho vợ chồng ông T, bà N vay số tiền là 400.000.000đ để vợ chồng ông T, bà N kinh doanh thức ăn gia súc chăn nuôi, thời hạn thanh toán là 2 năm kể từ khi vay. Lần 2 vào tháng 06/2019 mặc dù vợ chồng ông T, bà N chưa thanh toán được số tiền trên, vợ chồng ông, bà tiếp tục cho vợ chồng ông T, bà N vay số tiền 303.000.000đ để vợ chồng ông T, bà N trả nợ Ngân hàng Quốc Dân Việt Nam, địa chỉ ở Hải Dương. 02 lần vay trên đều có viết giấy vay mượn với lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng . Đến ngày 19/9/2020 vợ chồng ông T, bà N ông T, bà N cũng không trả được cả gốc và lãi với số tiền là 703.000.000đ như hai bên đã thỏa thuận với nhau. Vợ chồng ông T, bà N có viết giấy cam kết trả nợ cho vợ chồng ông, bà tổng số tiền là 703.000.000đ và hẹn đến ngày 20/3/2021 thì sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho vợ chồng ông, bà. Nhưng quá hạn theo giấy cam kết vợ chồng ông T, bà N cũng không trả được tiền gốc và tiền lãi. Nay Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà N trả cho vợ chồng ông, bà tổng số tiền gốc là 703.000.000đ và lãi suất là 1%/tháng theo ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định từ ngày 21/3/2021 đến khi xét xử vụ án. Theo trong đơn khởi kiện ông, bà có yêu cầu Tòa án phát mại tài sản thửa đất có diện tích 71,7m², trên đất có 2 nhà, 1 nhà 2 tầng của vợ chồng ông T, bà N ở thôn Trại Giữa, xã Cẩm Lý. Nay ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu này.

Tại phiên tòa hôm nay, ông, bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N đều trình bày trong các bản tự khai: Do tình cảm anh em ruột thịt vợ chồng ông, bà có vay của vợ chồng ông Hà, bà T ở thôn Mai Sơn, Cẩm Lý. Hai lần tổng số tiền là 703.000.000đ là đúng. Số tiền này, vợ chồng ông bà vay để phát triển kinh tế và trả nợ Ngân hàng, Sau đó do vợ chồng ông, bà làm ăn thua lỗ nên không trả được. Khi vay vợ, chồng có viết giấy cam kết vay số tiền trên và hẹn thời hạn thanh toán trả cuối cùng là ngày 20/3/2021 nhưng sau quá hạn vợ chồng ông bà cũng không thanh toán được tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông Hà, bà T. Nay ông Hà, bà T buộc ông, bà thanh toán trả số tiền gốc là 703.000.000đ và lãi suất 1% trên tháng kể từ ngày 21/3/2021 đến khi xét xử vụ án, vợ chồng ông bà hoàn toàn nhất trí và xin được trả dần

Tại phiên tòa hôm nay, ông, bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Lục Nam tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến: Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Các khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147; 228; 238; 271; 272; 273 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án . Xử:

Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H tiền gốc 703.000.000đ và lãi 42.883.000đ, tổng cả gốc và lãi 745.883.000đ

Án phí: Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 33.835.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N trả nợ tiền vay mượn. Do vậy đây là vụ án tranh chấp về “ Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 BLDS và khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N đều có địa chỉ cư trú tại thôn Trại Giữa, Cẩm Lý, Lục Nam. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[1.3] *Về áp dụng pháp luật nội dung:* tranh chấp giữa bà Đặng Thị T ông Hoàng Đình H và ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phát sinh vào năm 2021. Do vậy cần áp dụng quy định của BLTTDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

[1.4] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn và các bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nên HĐXX căn cứ vào Điều 228, 238 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thành, ông Hoàng Đình H: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự thì xác định tháng 02/2015 vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N có vay của vợ chồng bà Đặng Thị T, Hoàng Đình H số tiền là 400.000.000đ để làm ăn phát triển kinh tế, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 2 năm nhưng quá thời hạn 2 năm, vợ chồng ông T, bà N chưa thanh toán được số tiền trên thì đến tháng 6/2019 vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N vay tiếp của vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H số tiền là 303.000.000đ để vợ chồng ông T, bà N đảo nợ ngân hàng, vợ chồng ông T, bà N hẹn đến ngày 11/9/2020 thì thanh toán trả tiền gốc nhưng đến hẹn vợ chồng ông T, bà N không thanh toán được tiền gốc hai lần vay là 703.000.000đ. Nên vợ chồng ông T, bà N có viết giấy khất nợ và cam kết trả nợ hẹn đến ngày 20/3/2021 thì trả toàn bộ số tiền gốc và không tính lãi suất. Nay vợ chồng bà T, ông Hyêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải thanh toán trả số tiền gốc là 703.000.000đ và lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 21/3/2021 đến khi xét xử vụ án, phía vợ chồng ông T, bà N nhất trí trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà T, ông Hnhung xin được trả dần.

Trong vụ việc này, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo giấy cam kết trả nợ ngày 11/9/2020 do vậy vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải trả nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với điều 466 BLDS 2015 do vậy yêu cầu của vợ chồng bà T, ông H là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về lãi suất của bà T, ông Hà:

Xét thấy tại giấy khất nợ và cam kết trả nợ ngày 11/9/2020 các bên không thỏa thuận về việc tính lãi suất nhưng có thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán và thỏa thuận bằng miệng về lãi suất, đến hạn thanh toán vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N không thanh toán trả được tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H, do vậy bà T, ông H yêu cầu khoản tiền lãi suất đối với vợ chồng ông T, bà N từ ngày 21/3/2021 đến khi xét xử vụ án. Ông T, bà N cũng hoàn toàn nhất trí trả tiền lãi và cũng phù hợp với điều 468 của BLDS năm 2015.

Do vậy buộc vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả chồng bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H tổng số tiền gốc là 703.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 21/3/2021 đến ngày 24/9/2021, số tiền lãi phải trả là 703.000.000đ x 1%/tháng x 6 tháng 3 ngày = 42.883.000đ. tổng cả gốc và lãi là: 745.883.000đ.

[4] *Về các vấn đề khác:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H không yêu cầu Tòa án phát mại thửa đất có diện tích 71,7m². Trên đất có 01 nhà hai tầng của gia đình ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N ở thôn Trại giữa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 33.835.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Các khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147; 228; 238; 271; 272; 273 BLTTDS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H tiền gốc 703.000.000đ và lãi 42.883.000đ, tổng cả gốc và lãi 745.883.000đ

2. **Án phí:** Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 33.835.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đặng Thị T, ông Hoàng Đình H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T, ông H số tiền 10.000.000đ tiền tạm ứng án phí do bà T nộp ngày 11/5/2021 theo biên lai thu số AA/2017/0005381. tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA mà người phải THA không trả hết thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cũn phải THA theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7^b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :

- *Tòa án Tỉnh ;*
- *VKSND Tỉnh, Huyện ;*
- *Chi cục T.H.A. dân sự huyện;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ . VP./.*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn